

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 586/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 7488/UBND-THNC ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Công văn số 7684/UBND-THNC ngày 02 tháng 7 năm 2024 về cam kết tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 1110/BC-HĐTĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng thẩm định; ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3815/BKHĐT-QLQH ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc rà soát hồ sơ quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh) với những nội dung sau:

I. Phạm vi ranh giới quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai bao gồm toàn bộ tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích tự nhiên hơn 5.863km²;

- Tọa độ địa lý: từ khoảng 10°30'00'' - 11°34'57'' độ Vĩ Bắc và 106°45'30'' - 107°35'00'' độ Kinh Đông;

- Ranh giới hành chính: tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính, gồm: 02 thành phố (Biên Hòa và Long Khánh) và 09 huyện (Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch). Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; phía Tây giáp tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh; phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Bình Phước.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Đồng Nai phải phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; các quy hoạch cấp quốc gia; Quy hoạch Vùng Đông Nam Bộ.

b) Phát huy tiềm năng, thế mạnh, lợi thế cạnh tranh của tỉnh, lấy Cảng hàng không quốc tế Long Thành, sông Đồng Nai làm động lực mới cho phát triển đột phá. Thu hút đầu tư có chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm, hướng tới các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh thái, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sinh học; nông nghiệp công nghệ cao; dịch vụ tổng hợp, trọng tâm là giáo dục - đào tạo, y tế, logistics, du lịch.

c) Đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế chia sẻ. Phấn đấu đưa Đồng Nai trở thành đầu mối lớn về giao thông và logistics, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ; chủ động nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế với yêu cầu hội nhập quốc tế.

d) Phát huy nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực và là mục tiêu quan trọng nhất của sự phát triển. Lấy giá trị văn hóa là một trụ cột trong phát triển bền vững; nâng cao sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tạo môi trường sống tốt nhất để thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đến sinh sống và làm việc tại Đồng Nai.

đ) Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh để mở rộng không gian phát triển; phát triển hài hòa khu vực đô thị, nông thôn; khai thác và sử dụng hiệu quả không gian ngầm, không gian trên cao, tài nguyên số, không gian số; tập trung phát triển các đô thị theo mô hình TOD. Đẩy mạnh xây dựng các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics gắn với các hành lang giao thông kết nối vùng, liên vùng và quốc tế. Phát triển nhanh, bền vững, hài hòa giữa các tiểu vùng, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa các địa phương trong tỉnh.

e) Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng; bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, không đánh đổi môi

trường với lợi ích kinh tế trong quá trình phát triển. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp, góp phần thực hiện mục tiêu mà Việt Nam đã cam kết đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

g) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội - môi trường với bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh. Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống, đặc biệt chú trọng ở các địa bàn chiến lược.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Đồng Nai trở thành tỉnh phát triển văn minh, hiện đại, tốc độ tăng trưởng cao, vượt qua ngưỡng thu nhập cao trong nhóm đầu của cả nước. Kinh tế phát triển năng động và đi đầu trong phát triển kinh tế hàng không, công nghiệp công nghệ cao, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, hệ thống đô thị phát triển đồng bộ, hiện đại, thông minh, bền vững, giàu bản sắc, đặc trưng là phát triển đô thị sân bay, đô thị sinh thái đẳng cấp quốc tế. Bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ, thích ứng với biến đổi khí hậu; quốc phòng, an ninh được đảm bảo vững chắc.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 10%/năm. GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 14.650 USD.

+ Cơ cấu kinh tế (GRDP) đến năm 2030: công nghiệp - xây dựng chiếm 59% (riêng công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 50%); khu vực dịch vụ chiếm 29%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 6%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 6%.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP từ 35-37%.

+ Đến năm 2030, đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng trên 60%.

- Về xã hội:

+ Quy mô dân số đến năm 2030 đạt khoảng 4 đến 4,2 triệu người.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội là 7%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 40%. Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 2%.

+ Chỉ số phát triển con người HDI trên 0,85.

+ Số giường bệnh/vạn dân đạt 32 giường; số bác sỹ/vạn dân đạt 11 bác sỹ.

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 97%.

+ Phần đầu đạt 400 sinh viên đại học trên 10.000 dân. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở cấp học mầm non đạt 90%, cấp tiểu học đạt 80%, cấp trung học cơ sở đạt 85%, cấp trung học phổ thông đạt 90%. Duy trì 100% số trường mầm non, phổ thông ở vùng nông thôn đạt chuẩn về cơ sở vật chất.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt khoảng 70%.

+ 100% số xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 3 huyện hoàn thành nông thôn mới kiểu mẫu; 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Phần đầu tỷ lệ dân số tại đô thị sử dụng nước sạch đạt chuẩn là 95%; tỷ lệ dân số tại nông thôn sử dụng nước sạch đạt chuẩn là 95%.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 27,4% đến năm 2030.

+ 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

+ 100% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; 100% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: chủ động nắm chắc tình hình, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đồng Nai phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, đi đầu trong phát triển công nghiệp công nghệ cao, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, hiện đại; là trung tâm giao thương quốc tế, du lịch, dịch vụ gắn với các

đô thị đẳng cấp quốc tế, nơi tập trung trí thức và nhân tài, lấy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm và hoàn thành mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Các lĩnh vực xã hội phát triển hài hòa; người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

4. Các nhiệm vụ đột phá phát triển

- Khai thác hiệu quả Cảng hàng không quốc tế Long Thành và triển khai dự án sân bay lưỡng dụng Biên Hòa gắn với mô hình đô thị sân bay.

- Hoàn thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu. Trong đó, tập trung vào hạ tầng giao thông, thủy lợi, đô thị, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng y tế, giáo dục, an sinh xã hội. Thúc đẩy phát triển đô thị gắn với định hướng giao thông công cộng (TOD).

- Xây dựng các Khu công nghiệp xanh, thực hiện chuyển đổi các Khu công nghiệp hiện hữu theo lộ trình thực hiện mục tiêu giảm phát thải cac-bon. Tập trung thu hút đầu tư các dự án công nghiệp hiện đại, có giá trị gia tăng cao, công nghệ mới, thân thiện môi trường, gắn với chuỗi giá trị toàn cầu.

- Xây dựng khu trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ thông tin tập trung, các dự án chuyển đổi số, phát triển các tổ hợp giáo dục, đào tạo chuyên sâu cho Vùng Đông Nam Bộ.

- Triển khai các dự án đô thị, du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng đẳng cấp, tập trung phát triển: các khu đô thị - du lịch - dịch vụ kề cận sân bay Long Thành; khu đô thị - du lịch núi Chứa Chan, hồ Núi Le; chuỗi đô thị ven sông Đồng Nai (ưu tiên khu vực thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch).

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG, PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển ngành quan trọng

a) Ngành công nghiệp

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao với các cấu phần chính gồm: các khu công nghiệp chuyên ngành/khu công nghiệp công nghệ cao/khu công nghiệp sinh thái; dịch vụ hỗ trợ công nghiệp; trung tâm nghiên cứu phát triển, công viên khoa học; trung tâm đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp. Phát triển theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

- Chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu theo hướng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, lựa chọn sản phẩm, công đoạn có giá trị gia tăng cao tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Chú trọng phát triển 3 nhóm sản phẩm mũi nhọn gồm: công nghiệp hàng không; công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip và trí tuệ nhân tạo; thiết bị tự động hóa và thiết bị công nghệ thông tin.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo địa bàn, định hướng phát triển nhóm ngành công nghiệp cơ khí, hóa chất, điện tử, công nghiệp công nghệ cao và công nghệ hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn tại thành phố Biên Hòa và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành và Trảng Bom. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp và các ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp tại các địa phương còn lại của Tỉnh.

b) Ngành dịch vụ

- Phát triển dịch vụ trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Trong đó chú trọng phát triển các lĩnh vực dịch vụ thương mại, logistics, du lịch... Phát triển các ngành dịch vụ hỗ trợ (tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học công nghệ, viễn thông...).

- Tăng cường liên kết vùng, quốc gia và quốc tế, với vai trò là một trong những trung tâm giao thương quan trọng của Vùng Đông Nam Bộ; trên cơ sở khai thác Cảng hàng không quốc tế Long Thành, sân bay lưỡng dụng Biên Hòa, cảng biển Phước An làm động lực để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, sản xuất công nghiệp, thương mại điện tử và vận chuyển hành khách. Chủ động hội nhập, tận dụng khai thác các thế mạnh trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia.

- Phát triển hệ thống vận tải đa phương thức cùng các dịch vụ logistics, lấy nền tảng là các trung tâm logistics hiện đại cấp vùng và cấp tỉnh. Tập trung đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, du lịch MICE..., gắn với thế mạnh địa phương.

c) Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị với 3 nhóm sản phẩm chủ lực (sản phẩm chủ lực quốc gia, tỉnh và đặc sản của địa

phương); phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao; kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến sâu, xuất khẩu theo chuỗi giá trị; đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng được các tiêu chuẩn sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc và phục vụ xuất khẩu.

- Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Xây dựng ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý, góp phần bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

- Ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp các cấp theo hướng hiện đại, giáo dục số, đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục cơ bản cho mọi đối tượng. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp học. Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng ở các cấp học và bậc học.

- Phát triển tỉnh Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp Vùng. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về nhân lực có kỹ năng cho phát triển các ngành, lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực kinh tế và ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ. Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo theo chuỗi, gắn kết với các trung tâm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn.

- Phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người khuyết tật. Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực để phát triển hệ thống cơ sở ngoài công lập.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Khuyến khích thu hút các nguồn vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế để đầu tư phát triển hệ thống y tế và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Đồng Nai theo hướng hiện đại, chất lượng và ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao.

- Phát triển hài hòa giữa công tác khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và y tế dự phòng; đảm bảo mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và mở rộng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng cao; nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần và tuổi thọ của nhân dân trong tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có năng lực chuyên môn, đảm bảo y đức, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Tăng cường nâng cao năng lực và đảm bảo hiệu quả hoạt động bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện Trung ương trên địa bàn tỉnh.

- Quan tâm đầu tư và tăng cường năng lực y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật, y tế cơ sở, y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao; chủ động ứng phó hiệu quả các loại dịch bệnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm; đẩy mạnh chuyển đổi số, y tế thông minh để nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành y tế.

c) Văn hóa, thể thao

- Phát huy hào khí Đồng Nai, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Đồng Nai toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, phù hợp với xu thế thời đại. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, trong đó chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ... Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, xứng tầm với tiềm năng của tỉnh đảm bảo đủ điều kiện để tổ chức các sự kiện, hoạt động văn hóa thể thao của khu vực và thế giới. Phát triển mạnh phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những bộ môn mà tỉnh có thế mạnh.

- Chú trọng phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thể thao và sản phẩm du lịch có chất lượng cao mang đậm bản sắc Đồng Nai, phù hợp với xu thế thời đại và mang tầm quốc tế. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của người dân; từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hóa, mức thụ hưởng văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

d) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Tăng cường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực quản trị nhà nước đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng hệ thống thông tin khoa học và công nghệ theo hướng chuyển đổi số.

- Phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu. Xây dựng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; triển khai các nền tảng, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở nhằm thu hút nguồn lực đầu tư tạo ra các công nghệ mới, sản phẩm mới.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ có đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến, trọng tâm là các lĩnh vực đột phá của tỉnh.

đ) An sinh xã hội

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các cơ sở trợ giúp xã hội tiệm cận với các tỉnh, thành phố phát triển ở trong nước và khu vực; hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng, bền vững, hiệu quả.

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách giảm nghèo và các chính sách đối với người có công, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; có chính sách hỗ trợ người nghèo, các đối tượng yếu thế được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, tạo việc làm bền vững; đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống của người dân khu vực vùng sâu, vùng xa. Tập trung phát triển nhà ở xã hội, nhất là nhà ở công nhân. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

e) Quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh phù hợp với thể trận phòng thủ quốc gia. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh vững chắc. Nâng cao hiệu quả, khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng được nhu cầu bảo vệ đất nước. Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện từ sớm, từ xa các nguy cơ về an ninh, trật tự để xử lý kịp thời, không để bị động bất ngờ. Giữ vững an ninh chính trị; đấu tranh, phòng, chống có hiệu quả tội phạm và vi phạm pháp luật; đảm bảo trật tự xã hội, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Phương án phát triển không gian

Phát triển theo 3 vùng kinh tế - xã hội với những đặc trưng như sau:

- Vùng phía Tây (từ đường Vành đai 4 đến sông Đồng Nai, gồm thành phố Biên Hòa, các đô thị Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom và 08 xã: Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiện Tân, Tân An, Vĩnh Tân, Trị An và thị trấn Vĩnh An của huyện Vĩnh Cửu) là vùng động lực đô thị - dịch vụ - công nghiệp; hạt nhân phát triển chính là chuỗi đô thị ven sông Đồng Nai: Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch.

Định hướng phát triển: lấy công nghiệp hàng không, công nghệ cao, công nghiệp chuyên sâu và dịch vụ chất lượng cao, đổi mới sáng tạo, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu làm phương hướng chủ đạo. Từng bước

liên kết các đô thị lớn qua không gian ngầm gắn với phát triển các loại hình chức năng thương mại - dịch vụ, đô thị. Phát triển các dịch vụ tài chính, logistics và các dịch vụ phục vụ Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Hướng đến phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao, các loại hình du lịch gắn liền với các đô thị văn minh hiện đại, cảng hàng không quốc tế và sông Đồng Nai.

- Vùng phía Đông (nằm phía Nam hồ Trị An và sông La Ngà, phía Tây Vành đai 4, bao gồm thành phố Long Khánh, các huyện Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất và 05 xã Suối Nho, Phú Túc, Túc Trung, Phú Cường, La Ngà của huyện Định Quán) là vùng động lực phát triển công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ với thành phố Long Khánh làm hạt nhân trung tâm.

Định hướng phát triển: phát triển nông nghiệp gắn với đô thị hóa quy mô vừa và nhỏ làm phương hướng chủ đạo; phát triển các ngành công nghiệp gắn với thế mạnh địa bàn, từng bước hình thành các trung tâm đô thị, dịch vụ, thương mại.

- Vùng phía Bắc (nằm ở phía Bắc hồ Trị An và sông La Ngà, gồm phần còn lại của huyện Vĩnh Cửu, huyện Định Quán và toàn huyện Tân Phú) là vùng động lực phát triển nông nghiệp - du lịch - sinh thái với cặp đô thị Định Quán - Tân Phú là hạt nhân trung tâm.

Định hướng phát triển: lấy bảo tồn, phát triển các giá trị sinh thái đặc trưng bản địa, gắn với đô thị hóa quy mô nhỏ làm phương hướng chủ đạo; phát triển các vùng chăn nuôi, chuyên canh, nông nghiệp công nghệ cao; ổn định đời sống dân cư khu vực nông thôn, tăng mật độ che phủ rừng, góp phần cân bằng sinh thái, điều hòa khí hậu, cải thiện môi trường vùng, đặc biệt là bảo vệ nguồn nước.

b) Phương án liên kết không gian của tỉnh Đồng Nai được xây dựng trên cơ sở phát triển 6 hành lang và 3 vành đai như sau

- 06 hành lang gồm: hành lang sông Đồng Nai; hành lang Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu và Quốc lộ 51; hành lang Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Phan Thiết; hành lang Quốc lộ 1 và Đường sắt Bắc - Nam; hành lang Quốc lộ 20 và Cao tốc Dầu Giây - Tân Phú; hành lang Cao tốc Bến Lức - Long Thành.

- 03 vành đai gồm: Vành đai 4 vùng thành phố Hồ Chí Minh; Vành đai Quốc lộ 56 - Đường tỉnh 762; Vành đai liên kết Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu.

c) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Giai đoạn đến năm 2025: sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới

70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Giai đoạn 2026 - 2030: sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

- Đến năm 2030, Đồng Nai có 19 đô thị, bao gồm 01 đô thị loại I (thành phố Biên Hòa); 02 đô thị loại II (thành phố Long Khánh và đô thị Nhơn Trạch); 01 đô thị loại III (Long Thành), 07 đô thị loại IV (Thị xã Trảng Bom, Dầu Giây, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh An, Long Giao, Gia Ray) và 08 đô thị loại V (Hưng Lộc, Gia Kiệm, Quang Trung, Gia Tân 1, La Ngà, Phú Túc, Thạnh Phú, Sông Ray).

- Giai đoạn 2030 - 2050: Đồng Nai có 26 đô thị, bao gồm 03 đô thị loại I (thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và đô thị Nhơn Trạch); 01 đô thị loại II (thành phố Long Thành), 01 đô thị loại III (thành phố Trảng Bom); 07 đô thị loại IV (thị xã Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh An, Thạnh Phú, Long Giao, Gia Ray) và 14 đô thị loại V.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển các khu dân cư nông thôn theo mô hình xã, huyện nông thôn mới nâng cao, nông thôn kiểu mẫu, gắn với hệ thống giao thông liên huyện, liên xã. Phát triển các khu vực nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong tỉnh trên cơ sở kế thừa từ các điểm dân cư hiện hữu, cải tạo chỉnh trang hạ tầng nông thôn kết hợp với xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa thành thị với nông thôn trên địa bàn tỉnh.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG VÀ CÁC KHU VỰC CÓ VAI TRÒ ĐỘNG LỰC

1. Phương án phát triển các khu công nghiệp

- Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật của các khu công nghiệp đã thành lập; đổi mới, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư các dự án vào các khu công nghiệp, nhất là các dự án có hàm lượng công nghệ cao, các dự án chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, thân thiện môi trường.

- Đến năm 2030, Đồng Nai đầu tư hoàn thành 48 khu công nghiệp đi vào hoạt động, phù hợp với diện tích được phân bổ theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

2. Phương án phát triển các cụm công nghiệp

Đến năm 2030, Đồng Nai quy hoạch 31 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 1.874ha. Trong đó, tiếp tục quy hoạch 20/27 cụm công nghiệp đã được quy hoạch giai đoạn 2013 - 2020 với tổng diện tích khoảng 1.202ha; rút khỏi quy hoạch 07/27 cụm công nghiệp trong quy hoạch hiện hữu với tổng diện tích khoảng 347ha; quy hoạch mới 11 cụm công nghiệp, với tổng diện tích khoảng 672ha.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

3. Phương án phát triển khu công nghệ cao; khu công nghệ thông tin tập trung; khu đổi mới sáng tạo

- Khu công nghệ cao: hình thành và phát triển Khu công nghệ cao Đồng Nai với trọng tâm thu hút, phát triển các lĩnh vực tiên tiến như công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa, công nghệ hàng không, công nghệ trí tuệ nhân tạo ... Xây dựng hạ tầng kết nối khu công nghệ cao với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm hình thành hệ sinh thái liên kết, hỗ trợ sản xuất, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo...

- Khu công nghệ thông tin tập trung: tận dụng lợi thế Cảng hàng không quốc tế Long Thành và các tuyến cáp quang biển quốc tế, hình thành Khu công nghệ thông tin tập trung tại huyện Long Thành. Tập trung thu hút đầu tư các trung tâm dữ liệu hiện đại, luân chuyển dòng chảy dữ liệu quốc tế.

- Khu đổi mới sáng tạo: thành lập Khu đổi mới sáng tạo tại huyện Long Thành với chức năng hỗ trợ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, nghiên cứu, ứng dụng

công nghệ tiên tiến và thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ quốc tế nhằm góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

4. Phương án phát triển các khu, vùng du lịch

Phát huy lợi thế cảnh quan ven sông, ven núi, ven hồ, tài nguyên đa dạng sinh học và tài nguyên văn hóa - lịch sử; khai thác tiềm năng hình thành và phát triển các khu đô thị - du lịch, tiến tới đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Phân 05 vùng du lịch gồm: vùng du lịch Biên Hòa - sông Đồng Nai; vùng du lịch, vui chơi, giải trí kết hợp mua sắm thuộc Nhơn Trạch - Long Thành; vùng du lịch sinh thái Tân Phú - Vĩnh Cửu - Định Quán - Trảng Bom; vùng du lịch văn hóa tín ngưỡng - du lịch nông nghiệp Long Khánh - Xuân Lộc - Cẩm Mỹ - Thống Nhất; vùng du lịch hồ Trị An.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

5. Phương án phát triển các khu chức năng khác

a) Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật để phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị đối với các sản phẩm chủ lực và sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ nông sản.

(Chi tiết tại Phụ lục VI)

b) Phương án phát triển khu bảo tồn thiên nhiên

Khu vực cần được bảo tồn, tu bổ và khai thác hợp lý gồm Khu bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai; Vườn quốc gia Cát Tiên. Xây dựng hành lang đa dạng sinh học Cát Tiên (Đồng Nai) - Cát Lộc (Lâm Đồng).

6. Phương án phát triển các khu vực có vai trò động lực

Đến năm 2030, lấy 02 khu vực làm động lực phát triển mới cho tỉnh, gồm:

a) Khu vực đô thị sân bay Long Thành

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành với hệ thống đường cao tốc, đường sắt quốc gia và vùng. Phát triển toàn diện các dịch vụ hàng không trong phạm vi Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

- Tại huyện Long Thành: phát triển khu đô thị tại phía Tây Nam Cảng hàng không quốc tế Long Thành; phát triển các khu cụm công nghiệp, logistics phía Đông Nam Cảng hàng không quốc tế Long Thành, liên kết với hệ thống công nghiệp - dịch vụ hậu cần cảng biển Cái Mép - Thị Vải; phát triển chuỗi đô thị - công nghiệp - dịch vụ theo trục cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Quốc lộ 51 và Vành đai 4 vùng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại huyện Nhơn Trạch: phát triển chuỗi đô thị - dịch vụ - công nghiệp công nghệ cao, kết nối đồng bộ về cơ sở hạ tầng, dịch vụ logistics với hệ thống cảng biển Cái Mép - Thị Vải, cảng biển Phước An, trung tâm thành phố Hồ Chí Minh; phát triển tuyến dịch vụ - du lịch kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành với khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ.

- Tại huyện Cẩm Mỹ: phát triển khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ Sông Nhạn tại cửa ngõ phía Đông Bắc Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

b) Khu vực hành lang sông Đồng Nai

Lấy sông Đồng Nai làm trục phát triển kinh tế năng động của tỉnh. Kế thừa, duy trì, tối ưu hóa cấu trúc mạng lưới kênh rạch ven sông Đồng Nai; xây dựng tuyến đường ven sông; xúc tiến xây dựng các cầu qua sông liên kết mạnh mẽ với Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương. Bảo vệ và phát triển cân bằng, hợp lý cảnh quan xanh toàn tuyến ven sông kết hợp các mô hình phát triển dịch vụ, đô thị, du lịch sinh thái có chọn lọc. Liên kết hài hòa tuyến cảnh quan ven sông với tuyến TOD liên đô thị. Phát triển giao thông đường thủy phục vụ du lịch và dân dụng, cùng các hoạt động vui chơi giải trí nước đa dạng.

- Khu vực ven sông thuộc huyện Định Quán và Tân Phú: phát triển Khu du lịch Hồ Trị An và các cụm dịch vụ du lịch theo mô hình du lịch sinh thái, du lịch rừng gắn với bảo vệ cảnh quan, bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo tồn tài nguyên nước.

- Khu vực ven sông thuộc phía Tây huyện Vĩnh Cửu: phát triển đô thị sinh thái, kết nối với đô thị Tân Uyên tỉnh Bình Dương, hình thành tuyến đô thị năng động hai bên sông.

- Khu vực ven sông thuộc phía Bắc thành phố Biên Hòa: phát triển trung tâm đô thị tại Cù lao Hiệp Hòa và khu vực chuyển đổi công năng khu công nghiệp Biên Hòa I, phát triển khu đô thị hai bên sông Đồng Nai.

- Khu vực ven sông Nam Biên Hòa - Bắc Long Thành: phát triển các khu đô thị - dịch vụ cao cấp, kiểu mẫu, từng bước giãn dân từ khu vực trung tâm Biên Hòa hiện hữu và thu hút dân cư từ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Khu vực ven sông thuộc huyện Nhơn Trạch: phát triển các khu đô thị mới, du lịch, thương mại, dịch vụ, cảng biển. Bảo tồn các khu vực rừng ngập mặn, tổ chức các không gian mở, mảng xanh, công viên bán ngập,...

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Đường bộ

- Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông kết nối vùng, như: Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01), Cao tốc Dầu Giây (Đồng Nai) - Liên Khương (Lâm Đồng), Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (Đồng Nai), Vành đai 3, Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, các tuyến Quốc lộ 01, 20, 51, 20B, 51C, 56, 56B; cầu Phú Mỹ 2, cầu thay phà Cát Lái,...

- Nâng cấp, cải tạo và đầu tư mới các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã tạo thành mạng lưới giao thông đồng bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và thực hiện theo các quy hoạch, quy định pháp luật có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục VII)

b) Đường sắt

- Đầu tư xây dựng đường sắt kết nối vùng thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam; đầu tư xây mới tuyến Biên Hòa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang; tuyến đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Cảng hàng không quốc tế Long Thành). Báo cáo cấp thẩm quyền cho phép nghiên cứu, đầu tư mới tuyến đường sắt kết nối từ đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu đến cảng Phước An.

- Đường sắt đô thị: trước năm 2030, xây dựng kéo dài tuyến đường sắt đô thị Bến Thành - Suối Tiên đến huyện Trảng Bom. Sau năm 2030, xây dựng các tuyến đường sắt đô thị, gồm: (1) tuyến đường sắt đô thị trung tâm hành chính mới - sân bay Biên Hòa; (2) tuyến đường sắt đô thị Biên Hòa - Nhơn Trạch - Long Thành; (3) tuyến đường sắt đô thị Biên Hòa - Trảng Bom - Long Khánh; (4) tuyến đường sắt đô thị Long Khánh - Cẩm Mỹ - Long Thành; (5) tuyến đường sắt đô thị sân bay Biên Hòa - sông Đồng Nai (kết nối đến tỉnh Bình Dương).

(Chi tiết tại Phụ lục VIII)

c) Đường thủy nội địa

- Hệ thống đường thủy nội địa do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030,

tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các Quyết định khác của Bộ Giao thông vận tải có liên quan.

- Hệ thống đường thủy nội địa do tỉnh quản lý gồm 15 tuyến với tổng chiều dài khoảng 154km.

- Hệ thống bến/cụm bến thủy nội địa được nghiên cứu bố trí tại các địa phương dọc hai bên bờ các tuyến đường thủy nội địa.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

d) Cảng biển, cảng cạn

- Phát triển các cảng biển thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phát triển các cảng cạn thực hiện theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

đ) Cảng hàng không

Phát triển các cảng hàng không thực hiện theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tập trung phát triển Cảng hàng không quốc tế Long Thành và sân bay lưỡng dụng Biên Hòa.

e) Trung tâm logistics

- Đến năm 2030 hình thành 04 trung tâm logistics gồm: trung tâm logistics phía Nam Cảng hàng không quốc tế Long Thành; trung tâm logistics phía Đông Bắc Cảng hàng không quốc tế Long Thành; trung tâm logistics tổng kho trung chuyển miền Đông tại huyện Trảng Bom; trung tâm logistics tại xã Phước An huyện Nhơn Trạch.

- Bố trí các trung tâm kho vận nhỏ lẻ khác tại các địa phương khi có nhu cầu.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

g) Cầu đường bộ kết nối các tỉnh thành lân cận

- Kết nối Thành phố Hồ Chí Minh: bổ sung 03 vị trí cầu.

- Kết nối tỉnh Bình Dương: bổ sung 04 vị trí cầu đường bộ và 01 cầu đường sắt đô thị kết nối sân bay Biên Hòa.

- Kết nối tỉnh Lâm Đồng: bổ sung 02 vị trí cầu.

- Kết nối tỉnh Bình Thuận: bổ sung 01 vị trí cầu và đường kết nối.

Ngoài ra, theo nhu cầu hợp tác phát triển giữa các địa phương trong Vùng Đông Nam Bộ sẽ bổ sung các điểm kết nối khác.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Phát triển các dự án năng lượng, dự án cấp điện để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thu hút đầu tư các dự án thủy điện, điện rác, điện mặt trời,... phù hợp điều kiện thực tế, nhu cầu của tỉnh và phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

- Tổ chức mạng lưới trạm sạc điện tại các khu vực khu chung cư, khu công cộng, khu đầu mối hạ tầng năng lượng... đáp ứng nhu cầu năng lượng theo Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí cac-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công suất các trạm, tuyến đường dây, công trình điện lực 500kv, 220kv cấp quốc gia theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các trạm biến áp, đường dây 110kv, đường dây trung, hạ thế do địa phương quản lý.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

3. Phương án phát triển hạ tầng năng lượng, dự trữ xăng dầu, khí đốt

- Triển khai các dự án kho dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia; đường ống xăng dầu, khí đốt; các dự án xử lý/hóa lỏng khí theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia và Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Triển khai 10 dự án phục vụ xây dựng và phát triển hệ thống kho dự trữ xăng dầu và tuyến ống. Xây dựng mới tuyến ống dẫn khí cung cấp cho tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

4. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh. Đến năm 2030, Đồng Nai nằm trong nhóm những địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số trong cả nước.

- Phát triển hạ tầng, dịch vụ bưu chính theo hướng chuyển dịch từ bưu chính truyền thống sang bưu chính số. Từng bước ngầm hóa hạ tầng viễn thông tăng cường sử dụng hạ tầng dùng chung, đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị. Xây dựng,

nâng cấp và phát triển mới cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ dịch vụ khắp toàn tỉnh phục vụ chuyển đổi số, kinh tế số, chính quyền số.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới toàn diện lĩnh vực báo chí, phát thanh truyền hình, hình thành các nền tảng số trên môi trường mạng. Sử dụng các nền tảng công nghệ số đảm bảo người dân tiếp cận nhanh chóng và đầy đủ thông tin. Chú trọng phát triển các loại hình thông tin điện tử, tăng cường quản lý trên nền tảng số.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, hình thành khu công nghệ thông tin tập trung tạo sự liên kết trong chuỗi công nghệ và sản xuất các sản phẩm công nghệ số.

5. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, phát triển hạ tầng thủy lợi bảo đảm tưới, cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế, nâng cao năng lực phòng, chống, giảm thiệt hại do thiên tai, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Phát triển các nhà máy nước và mạng lưới truyền tải, cấp nước, cung cấp nước đầy đủ, bảo đảm chất lượng cho các hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt tại đô thị và nông thôn; thực hiện duy trì, bảo vệ các công trình hồ chứa nước, bảo đảm năng lực cấp nước.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung quy mô liên đô thị, liên xã và gắn với xây dựng nông thôn mới.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

c) Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

- Thực hiện theo các quy hoạch đô thị, nông thôn; hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải; từng bước triển khai xây dựng hệ thống khung hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải khu vực đô thị.

- Các nguồn nước thải sinh hoạt, nước thải từ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nước thải y tế, nước thải nguy hại,... phải được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải

Đầu tư hoàn thiện, các khu xử lý chất thải rắn tập trung trên địa bàn tỉnh; ưu tiên xử lý chất thải có thu hồi năng lượng và phát điện nhằm tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm tối đa khối lượng chất thải phải chôn lấp, tiết kiệm quỹ đất, đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn của tỉnh theo từng giai đoạn.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

b) Khu nghĩa trang

Đầu tư các khu nghĩa trang tập trung liên huyện, vùng huyện, liên xã được xác định trong quy hoạch chung đô thị và quy hoạch xây dựng vùng huyện, kết hợp cơ sở hỏa táng đồng bộ đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy định; thực hiện không chế quy mô chôn mới, tiến tới đóng cửa, di dời các nghĩa trang nằm trong khu vực khu dân cư nội thị để thực hiện theo quy hoạch xây dựng của địa phương. Khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng. Ưu tiên xây dựng các nhà tang lễ theo tiêu chí loại đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển nhà ở

- Phát triển nhà ở theo chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở trong từng giai đoạn của tỉnh Đồng Nai được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Phát triển đa dạng hóa các loại nhà ở như: nhà ở riêng lẻ, nhà ở chung cư; nhà ở thương mại, nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội,... trong đó ưu tiên phát triển nhà ở chung cư cao tầng có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đầy đủ các dịch vụ công cộng tiện ích, mật độ xây dựng thấp và tạo môi trường sống chất lượng cao.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX)

2. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe

- Đầu tư, cải tạo xây dựng đồng bộ, hiện đại mạng lưới các công trình y tế và chăm sóc sức khỏe, như: mạng lưới khám chữa bệnh; y tế công cộng; y tế dự phòng; trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm kiểm định, giám định y khoa; dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ...

- Khuyến khích, thu hút đầu tư y tế ngoài công lập, đặc biệt các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, trung tâm y tế hiện đại, chất lượng cao, các cơ sở chăm sóc sức khỏe... tại các huyện, thành phố và các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

(Chi tiết tại Phụ lục XX)

3. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Xây dựng mới, nâng cấp hệ thống trường các cấp bảo đảm đạt chuẩn cơ sở vật chất theo quy định; phân bố mạng lưới trường học phù hợp với quy mô dân số và diện tích tự nhiên của từng địa phương.

- Giáo dục mầm non và phổ thông: rà soát, sắp xếp số lượng trường học; hình thành trường phổ thông nhiều cấp học có chất lượng cao; khuyến khích thành lập các cơ sở ngoài công lập có cơ sở vật chất hiện đại, đặc biệt ở khu vực tập trung đông dân cư, khu công nghiệp. Khắc phục triệt để tình trạng quá tải ở các cơ sở giáo dục. Chú trọng phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

- Giáo dục đại học: mở rộng, phát triển cơ sở vật chất Trường Đại học Đồng Nai. Đẩy nhanh việc thành lập và đầu tư xây dựng Phân hiệu Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh tại huyện Long Thành; Phân hiệu Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh tại thành phố Biên Hòa, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng các khu đô thị giáo dục và đào tạo tại huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch và thành phố Long Khánh.

- Giáo dục nghề nghiệp: xây dựng phát triển các cơ sở giáo dục nghề đảm bảo cả số lượng và chất lượng, đáp ứng nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI)

4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch

- Hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh; nâng cấp các thiết chế văn hóa thể thao cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn. Đầu tư hạ tầng đảm bảo kết nối số của các thư viện cấp huyện với thư viện cấp tỉnh và hệ thống thư viện quốc gia.

- Đầu tư các công trình văn hóa thể thao quy mô lớn, hiện đại như: khu phức hợp thể thao, sân vận động, nhà thi đấu... đủ điều kiện tổ chức các giải thể thao, chương trình biểu diễn văn hóa nghệ thuật cấp quốc gia và quốc tế, gắn với hoạt động du lịch và hỗ trợ du lịch.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực ngành du lịch, tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng tại các khu, điểm du lịch. Khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp đầu tư vào các khu, điểm du lịch trọng điểm như: khu du lịch quốc gia Hồ Trị An; khu du lịch nghỉ dưỡng tại khu vực núi Chứa Chan và Hồ Núi Le; khu du lịch sinh thái tại khu vực rừng phòng hộ Tân Phú và Khu bảo tồn thiên

nhiên Văn hóa Đồng Nai; các cơ sở vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng cao cấp phù hợp với nhu cầu và xu hướng du lịch mới.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII)

5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thương mại

- Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại, kết nối thương mại giữa các địa phương trong tỉnh và Vùng Đông Nam Bộ. Xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm tại Đồng Nai để cùng với các trung tâm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu tạo thành tổ hợp triển lãm cấp quốc gia, quốc tế.

- Hoàn thiện, cải tạo hệ thống chợ truyền thống. Phát triển mạng lưới hạ tầng thương mại hiện đại, bao gồm các siêu thị và trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi dần thay thế chợ truyền thống tại các khu vực đô thị; phát triển trung tâm thương mại quốc tế lớn tại khu vực đô thị sân bay Long Thành. Hoàn thiện hệ thống dịch vụ xuất nhập khẩu đồng bộ hiện đại, kết nối với các cảng biển và Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hóa để phát triển trung tâm logistics, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII)

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng bảo trợ xã hội

- Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội của tỉnh bảo đảm đủ năng lực, quy mô đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ công về trợ giúp xã hội.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở bảo trợ xã hội trong tỉnh, đảm bảo cung cấp dịch vụ công trợ giúp xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia, từng bước tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế theo đặc thù từng nhóm đối tượng.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV)

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Triển khai xây dựng khối nhà làm việc cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ và Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; xây dựng Trạm Quan trắc và cảnh báo phóng xạ tỉnh Đồng Nai; xây dựng Trung tâm Chiếu xạ tỉnh Đồng Nai nhằm góp phần quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học - công nghệ, ứng dụng vào sản xuất.

- Báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai thành Khu công nghệ cao Đồng Nai để tập trung thu hút

các dự án công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Nghiên cứu thành lập Trung tâm Robot công nghiệp tỉnh Đồng Nai, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và các hoạt động đổi mới sáng tạo, đào tạo kỹ thuật, nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực robot công nghiệp và tự động hóa.

8. Phương án xác định khu quân sự, an ninh, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

- Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng trên địa bàn được thực hiện theo bản đồ xác định các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng của Bộ Quốc phòng phê duyệt.

- Việc bố trí xây dựng các công trình an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các huyện, thành phố, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc theo quy định, phù hợp với Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ và nhu cầu sử dụng đất đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI)

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

- Vùng liên huyện phía Đông (gồm các huyện Thống Nhất, Cẩm Mỹ và Xuân Lộc) là vùng ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ; thương mại, dịch vụ; logistics; nông nghiệp công nghệ cao; du lịch; khu đô thị mới; đầu mối giao

thông liên kết tỉnh Đồng Nai với Vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Vùng liên huyện phía Bắc (gồm các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú) là vùng ưu tiên bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, phát triển du lịch sinh thái, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện và các đô thị thuộc tỉnh

Đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển tổng thể của tỉnh. Trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2030: có 04 thành phố (Biên Hòa, Long Khánh, Nhơn Trạch, Long Thành); 01 thị xã (Trảng Bom) và 06 huyện (Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc).

- Giai đoạn sau năm 2030: có 05 thành phố (Biên Hòa, Long Khánh, Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom); 01 thị xã (Thống Nhất) và 05 huyện (Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc).

a) Huyện Thống Nhất: giữ vị trí đầu mối giao thông quan trọng của Vùng Đông Nam Bộ, thuộc Vùng phía Đông của tỉnh; là một trong những trung tâm phát triển đô thị - dịch vụ, công nghiệp sạch, đào tạo - nghiên cứu, nông nghiệp công nghệ cao.

Định hướng phát triển: lấy thị trấn Dầu Giây làm trung tâm hành chính, kinh tế văn hóa của huyện; phát triển đô thị lan tỏa về phía Bắc; trong đó các xã Hưng Lộc, Gia Kiệm, Quang Trung, Gia Tân 1 quy hoạch theo mô hình đô thị loại V nhằm hình thành khu vực nội thị của thị xã Thống Nhất sau năm 2030. Phát triển nông nghiệp gắn với đô thị hóa làm phương hướng chủ đạo; phát triển các ngành công nghiệp gắn với nông nghiệp địa phương, từng bước hình thành các trung tâm đô thị, dịch vụ, thương mại, nghiên cứu chuyên giao khoa học công nghệ nông nghiệp, phát huy giá trị cảnh quan không gian ven mặt nước, ven núi rừng để phát triển chuỗi điểm du lịch sinh thái - tâm linh.

b) Huyện Định Quán: là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của vùng phía Bắc tỉnh Đồng Nai; phát triển nông nghiệp gắn với đô thị hóa quy mô vừa và nhỏ, lấy bảo tồn, phát triển các giá trị sinh thái đặc trưng bản địa, gắn với đô thị hóa quy mô nhỏ làm phương hướng chủ đạo; phát triển các vùng chăn nuôi, chuyên canh, nông lâm nghiệp công nghệ cao; là địa bàn bảo tồn rừng, nguồn nước, đa dạng sinh học của lưu vực sông Đồng Nai.

Định hướng phát triển: lấy thị trấn Định Quán là trung tâm hành chính, kinh tế văn hóa của huyện; phát triển lan tỏa dọc theo Quốc lộ 20 và đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú, gồm các đô thị La Ngà, Phú Túc, một phần các xã Túc Trưng, Phú Ngọc và Phú Lợi. Phát triển khu vực bảo tồn sinh thái tự nhiên, bảo vệ nguồn nước

và sự đa dạng sinh học của hệ sinh thái ven hồ Trị An. Phát triển du lịch tâm linh, du lịch văn hóa, du lịch gắn với nông nghiệp, khai thác cảnh quan thiên nhiên quanh hồ Trị An, hai bên sông La Ngà; nuôi trồng thủy sản gắn với phát triển dịch vụ nông lâm nghiệp, nông thôn; phát triển Khu vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp chuyên canh gắn với các mô hình du lịch sinh thái, khám phá, nghỉ dưỡng, văn hóa phù hợp.

c) Huyện Tân Phú: là huyện cửa ngõ phía Đông Bắc tỉnh Đồng Nai - Vùng Đông Nam Bộ giáp với tỉnh Lâm Đồng - Vùng Tây Nguyên; là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của vùng phía Bắc tỉnh Đồng Nai; là trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, thương mại dịch vụ, công nghiệp chế biến nông lâm sản; là địa bàn bảo tồn rừng, nguồn nước, đa dạng sinh học lưu vực sông Đồng Nai.

Định hướng phát triển: lấy thị trấn Tân Phú làm trung tâm hành chính, kinh tế văn hóa của huyện; phát triển dọc theo Quốc lộ 20 và đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú gồm đô thị Phú Lâm và một phần các xã Trà Cổ, Phú Lộc, Phú Xuân, Thanh Sơn, Phú Bình, Phú Thanh. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, lâm nghiệp và chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tập trung bảo tồn và phát huy giá trị vườn quốc gia Nam Cát Tiên gắn với phát triển du lịch sinh thái.

d) Huyện Vĩnh Cửu: phát triển đô thị - dịch vụ - công nghiệp gắn với sân bay lưỡng dụng Biên Hòa và hành lang sông Đồng Nai và phát triển nông nghiệp - du lịch - sinh thái gắn với bảo tồn rừng, nguồn nước, đa dạng sinh học của lưu vực sông Đồng Nai.

Định hướng phát triển: phát triển đô thị tập trung phía Tây huyện gồm các xã Bình Hòa - Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiện Tân, Phú Lý quy hoạch theo mô hình đô thị loại V, Thị trấn Vĩnh An là trung tâm hành chính, kinh tế văn hóa của huyện, đồng thời là đầu mối chính của tuyến du lịch quanh hồ Trị An. Khu vực phía Đông phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, phát triển nông nghiệp, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng và đa dạng sinh học.

đ) Huyện Cẩm Mỹ: là cửa ngõ, giáp ranh với tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; là địa bàn phát triển đô thị gắn với các đầu mối giao thông quốc gia, là địa bàn phát triển công nông nghiệp công nghệ cao kết hợp phát triển dịch vụ logistics, thương mại dịch vụ phụ cận sân bay Long Thành; là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của Vùng phía Đông tỉnh Đồng Nai.

Định hướng phát triển: phát triển đô thị gồm các xã Bảo Bình, Sông Nhạn, Sông Ray quy hoạch theo mô hình đô thị loại V, thị trấn Long Giao là trung tâm

hành chính, kinh tế văn hóa của huyện; là trung tâm công nghiệp, công nghệ sinh học, công nghiệp hỗ trợ của tỉnh, tập trung phát triển các trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học, cụm công nghiệp. Khu vực công nghiệp phía Tây gồm các xã Xuân Quế, Sông Nhạn và Thừa Đức tập trung phát triển các khu cụm công nghiệp tập trung, công nghệ cao, dịch vụ hậu cần, kho bãi, dịch vụ hàng không. Khu vực sinh thái nông nghiệp phía Đông gồm các xã Xuân Tây, Xuân Đông và Lâm San là vùng phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao.

e) Huyện Xuân Lộc: là cửa ngõ, giáp ranh với tỉnh Bình Thuận; là địa bàn phát triển đô thị gắn với du lịch, sản xuất công nông nghiệp tập trung, thương mại dịch vụ; là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của Vùng phía Đông tỉnh Đồng Nai.

Định hướng phát triển: phát triển đô thị gồm các xã Xuân Thọ, Xuân Hòa, Xuân Định - Bảo Hòa, Suối Cát - Xuân Hiệp - Lang Minh quy hoạch theo mô hình đô thị loại V, thị trấn Gia Ray phấn đấu đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV đến năm 2030, là trung tâm hành chính, kinh tế văn hóa của huyện; tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị, du lịch tâm linh khu di tích danh thắng quốc gia Núi Chứa Chan. Phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc Quốc lộ 1 và cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết; phát triển kinh tế nông nghiệp kết hợp với dịch vụ du lịch.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm các khu vực: nội thành, nội thị của thành phố Biên Hòa; thành phố Long Khánh và của các đô thị loại I, II, III theo quy định pháp luật về phân loại đô thị; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; các khu bảo tồn thiên nhiên vườn quốc gia Cát Tiên, Khu bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Khu Ramsar Bàu Sấu và 03 khu bảo tồn trong quy hoạch (Ramsar Bắc Đồng Nai, Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh Núi Chứa Chan, Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh Nhơn Trạch - Long Thành, Khu Bảo vệ cảnh quan Tân Phú); khu vực bảo vệ 1 của các di tích lịch sử - văn hóa: 02 di tích quốc gia đặc biệt; 29 di tích quốc gia và 47 di tích cấp tỉnh.

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn tỉnh; vùng đất ngập nước quan trọng cửa sông Đồng Nai tại huyện

Nhơn Trạch, Long Thành theo quy hoạch và Quyết định phê duyệt; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, V (đến năm 2030 gồm 07 đô thị loại IV, 08 đô thị loại V; giai đoạn 2030 - 2050: 07 đô thị loại IV, 14 đô thị loại V); khu vui chơi giải trí dưới nước theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: là các vùng không gian còn lại của tỉnh ngoài vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý; rà soát, cập nhật đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVII)

b) Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tăng cường bảo vệ môi trường thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp với sử dụng bền vững, phát huy giá trị Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Khu bảo tồn cảnh quan Tân Phú, Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh núi Chứa Chan, Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh Nhơn Trạch - Long Thành.

- Thiết lập các hành lang đa dạng sinh học; bảo vệ các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; các khu vực đa dạng sinh học cao; khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng; khu vực đất ngập nước quan trọng; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, bảo vệ nơi cư trú tự nhiên của các loài sinh vật, đặc biệt là các loài nguy cấp, bị đe dọa được ưu tiên bảo tồn; bảo tồn, phát triển nguồn gen; đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVIII)

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Đến năm 2030, có 187 điểm quan trắc môi trường nước mặt; 29 vị trí quan trắc dòng chảy; 56 vị trí quan trắc trầm tích chính; 127 điểm quan trắc môi trường nước dưới đất; 152 điểm quan trắc môi trường không khí; 96 điểm quan trắc môi trường đất.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất; nâng cao chất lượng rừng; bảo tồn phát huy giá trị nguồn gen và đa dạng sinh học; phát triển du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng; giảm thiểu tác hại do thiên tai; cải thiện môi trường giảm phát thải, tăng hấp thụ cacbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (RESS+) cung ứng dịch vụ môi trường rừng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường huy động nguồn lực để phát triển, bảo vệ, quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế của cộng đồng phụ thuộc vào rừng, bảo đảm đa dạng sinh học. Ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám vào quản lý rừng; xây dựng, duy tu và nâng cấp kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Bảo vệ, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên khoáng sản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, không làm ảnh hưởng môi trường sinh thái, các danh lam, thắng cảnh và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phương án bảo đảm phù hợp với quy hoạch của Quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan. Tiếp tục thực hiện các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch còn hiệu lực trong giai đoạn trước. Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các Quyết định được phê duyệt và theo quy định; tăng cường công tác khảo sát, đánh giá chất lượng, trữ lượng khoáng sản; Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIX)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước và phân vùng chức năng nguồn nước

Phân bổ nguồn nước theo thứ tự ưu tiên: nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; giao thông thủy, thủy điện; tôn giáo, tín ngưỡng, bảo tồn văn hóa, thể thao, du lịch và các chức năng khác của nguồn nước. Trong điều kiện bình thường: nguồn nước đủ đáp ứng phân bổ bảo đảm 100% nhu cầu sử dụng nước; ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, các ngành sản xuất có hiệu quả kinh tế cao; trong điều kiện khô hạn, thiếu nước xảy ra: nguồn nước được phân bổ đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt, an sinh xã hội; lượng nước còn lại sẽ được phân bổ cho các mục đích sử dụng còn lại theo tỷ lệ phù hợp theo phân vùng chức năng nguồn nước.

b) Phương án khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước

Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước; xây dựng công trình đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước theo quy hoạch thủy lợi. Tăng cường hoạt động giám sát, quan trắc tài nguyên nước. Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với Trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước.

c) Phương án phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Tăng cường trồng và bảo vệ, quản lý rừng nhất là rừng đầu nguồn trong đó đặc biệt tập trung quan tâm bảo vệ vùng dự trữ sinh quyển thế giới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tình hình ngập lụt, sạt lở; đầu tư tu bổ, nâng cấp các công trình hồ đập, đảm bảo tần suất chống lũ thiết kế và vận hành an toàn theo quy trình vận hành liên hồ và các hồ chứa trên lưu vực sông; kiểm soát ô nhiễm nhằm đảm bảo nguồn cấp nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước; đảm bảo khơi thông dòng chảy, duy trì lượng nước đầy mặn nhằm kiểm soát xâm nhập mặn ở hạ lưu sông Đồng Nai.

d) Nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt

Căn cứ đặc điểm về chất lượng nguồn nước, trữ lượng đối với nước dưới đất và tổng lượng đối với nước mặt và hiện trạng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước; nguồn cấp nước dự phòng chính gồm nguồn nước mặt từ các hồ chứa như: Hồ Trị An, Đa Tôn, Sông Mỹ, Cầu Mới tuyến VI, Gia Ui, hồ Núi Le ... và nguồn nước dưới đất hiện có từ các công trình cấp nước sạch tập trung của các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch; các công trình cấp nước sạch nông thôn và các công trình điều tiết, phát triển nguồn nước; ưu tiên nguồn cấp nước tại chỗ đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng để cấp nước cho sinh hoạt.

(Chi tiết tại Phụ lục XXX)

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người, tài sản của nhân dân và nhà nước; từng bước góp phần xây dựng quốc gia có khả năng quản lý rủi ro thiên tai; cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai; tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

(Chi tiết tại Phụ lục XXXI)

XI. DANH MỤC DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Các dự án và thứ tự ưu tiên được xác định trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, các đột phá nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, bảo đảm thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XXXII)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Căn cứ vào phương án tăng trưởng theo kịch bản kỳ vọng, dự báo nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh lũy kế đến năm 2030 theo giá hiện hành khoảng 1.003.700 tỷ đồng (tương đương khoảng 41 tỷ USD). Trong đó: giai đoạn 2021 - 2025 cần khoảng 478.200 tỷ đồng, giai đoạn 2026 - 2030 cần khoảng 525.500 tỷ đồng; tỷ lệ vốn đầu tư công đạt khoảng 20%; vốn đầu tư ngoài ngân sách đạt 80% (trong đó, dự kiến vốn ngoài nhà nước đạt 42% và vốn FDI đạt 58%).

- Tập trung nguồn lực của Nhà nước để đầu tư, phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng, ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, nhất là hạ tầng giao thông liên Vùng, và hạ tầng xã hội. Kết hợp hiệu quả nguồn vốn giữa Trung ương và địa phương, có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động vốn tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Đẩy mạnh huy động nguồn lực từ hợp tác công - tư, xã hội hóa; ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, có lợi thế cạnh tranh vượt trội, phục vụ cho doanh nghiệp và người dân. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để thu hút đầu tư như quỹ đất sạch, nguồn nhân lực chất lượng cao, bổ sung chính sách và các biện pháp để phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư. Thu hút đầu tư có chọn lọc, chú trọng thu hút các dự án công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, ít thâm dụng lao động, tài nguyên và thân thiện với môi trường; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ, môi trường...

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác thông tin, dự báo về cung - cầu lao động. Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động trong những lĩnh vực trọng yếu đạt trình độ quốc tế, tạo lợi thế cạnh tranh lâu dài cho tỉnh.

- Thu hút lực lượng lao động từ ngoài tỉnh để đáp ứng nhu cầu, nhất là các ngành dịch vụ vận tải, logistics, thương mại du lịch... Xây dựng tổ hợp giáo dục đào tạo tỉnh Đồng Nai gần khu đô thị sân bay Long Thành, tận dụng khả năng kết nối với các khu công nghiệp nhằm đón đầu nhu cầu về nguồn lao động.

3. Giải pháp về khoa học, công nghệ và môi trường

a) Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đảm bảo nguồn lực chi đối với lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ và đổi mới hạ tầng khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu triển khai (R&D), trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa các kết quả khoa học và công nghệ.

- Triển khai quy hoạch và xây dựng khu đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng phát triển toàn diện. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Tạo điều kiện cho các trường đại học, các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ.

- Thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hình thành sản phẩm dịch vụ công nghệ của tỉnh, kết nối với các sản phẩm dịch vụ công nghệ trong khu vực và quốc tế. Khuyến khích, thúc đẩy phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, trong đó đẩy mạnh phát triển các tổ chức môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ.

b) Giải pháp bảo vệ môi trường

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; các dự án xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp yêu cầu phải hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung mới được tiếp nhận doanh nghiệp thứ cấp vào đầu tư hoạt động.

- Kiểm soát tốt nguồn phát thải khí nhà kính lớn trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở, doanh nghiệp. Xây dựng Chương trình giảm thiểu khí cac-bon trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện.

- Nâng cao nhận thức, hiểu biết về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường. Nâng cao nhận thức tạo sự thống nhất cao về thực hiện các cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu; hướng dẫn các cơ sở triển khai thực hiện các quy định về giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các tỉnh, thành phố khác trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù của nhau để cùng phát triển trên một số lĩnh vực như: phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; xúc tiến thương mại và đầu tư; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng; phát triển nhân lực, bao gồm đào tạo và sử dụng lao động; phát triển ngành y tế, khám chữa bệnh và nghiên cứu y học; phát triển công nghiệp (cung cấp nguyên liệu, xây dựng các khu, cụm công nghiệp...); cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội cho vùng phục vụ cho công tác dự báo, thu hút đầu tư và phối hợp phát triển; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý không gian các hoạt động kinh tế - xã hội và đô thị - nông thôn.

- Thực hiện việc quản lý nhà nước hiệu quả về quy hoạch, phân bổ và sử dụng tài nguyên đất thông qua: (i) tích hợp các phương án bố trí không gian của các hoạt động kinh tế - xã hội (ngành, lĩnh vực) với các kế hoạch sử dụng đất trong một bản quy hoạch cấp tỉnh duy nhất; (ii) quản lý đất đai minh bạch theo quy định pháp luật; (iii) quản lý đất đai hiệu quả bằng cách loại bỏ các rào cản hành chính và áp dụng các nguyên tắc kinh tế thị trường trong việc sử dụng, phân bổ và chuyển nhượng đất.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch; công khai các khu vực quy hoạch bố trí không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; công khai các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ được ưu tiên khuyến khích phát triển.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tỉnh. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm phù hợp với quy hoạch tỉnh và nhu cầu của thị trường; cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 05 năm, hàng năm và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình làm việc của các cấp ủy, chính quyền cơ sở.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch ở các cấp, các ngành; kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các quy hoạch.

XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XXXIII)

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Rà soát sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ làm cơ sở tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, cấp Vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai trong trường hợp có mâu thuẫn theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này, phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch cao hơn có liên quan (nếu có); bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, thực tiễn phát triển của tỉnh và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; Phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện đúng các nội dung đã cam kết tại Công văn số 7488/UBND-THNC ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về tiếp thu hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 586/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Đô thị	Hiện trạng	Đến năm		Ghi chú
			2025	2030	
1	Thành phố Biên Hòa	I	I	I	
2	Thành phố Long Khánh	III	III	II	Sau 2030 phát triển lên đô thị loại I
3	Đô thị mới Nhơn Trạch	Huyện (có thị trấn Hiệp Phước)	III	II	Sau 2030 phát triển lên đô thị loại I
4	Đô thị mới Long Thành	Huyện (có thị trấn Long Thành)	IV	III	Sau 2030 phát triển lên đô thị loại II
5	Đô thị mới Trảng Bom	Huyện (có thị trấn Trảng Bom)	-	IV	Sau 2030 phát triển lên đô thị loại III
6	Đô thị mới Thống Nhất	Huyện	Huyện	Huyện	Sau 2030 phát triển lên đô thị loại IV
7	Đô thị Dầu Giây	V	V	IV	Sau 2030 là phường thuộc thị xã Thống Nhất
8	Đô thị mới Hưng Lộc	xã	xã	V	Sau 2030 là phường thuộc đô thị xã Thống Nhất
9	Đô thị mới Gia Kiệm	xã	xã	V	Sau 2030 là phường thuộc thị xã Thống Nhất
10	Đô thị mới Quang Trung	xã	xã	V	Sau 2030 là phường thuộc thị xã Thống Nhất
11	Đô thị mới Gia Tân 1	xã	xã	V	Sau 2030 là phường thuộc thị xã Thống Nhất
12	Đô thị Định Quán	V	V	IV	
13	Đô thị mới La Ngà	xã	xã	V	
14	Đô thị mới Phú Túc	xã	xã	V	
15	Đô thị Tân Phú	V	V	IV	
16	Đô thị mới Phú Lâm	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V ^{MR}
17	Đô thị Vĩnh An	V	V	IV	
18	Đô thị mới Phú Lý	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V

STT	Đô thị	Hiện trạng	Đến năm		Ghi chú
			2025	2030	
19	Đô thị mới Thiện Tân	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V
20	Đô thị mới Thanh Phú	xã	xã	V	
21	Đô thị mới Bình Lợi	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V
22	Đô thị mới Tân Bình	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V ^{MR}
23	Đô thị Long Giao	V	V	IV	
24	Đô thị mới Bảo Bình	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V
25	Đô thị mới Sông Nhạn	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V
26	Đô thị mới Sông Ray	xã	xã	V	
27	Đô thị Gia Ray	V	V	IV	
28	Đô thị mới Suối Cát	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V ^{MR}
29	Đô thị mới Xuân Định	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V ^{MR}
30	Đô thị mới Xuân Hưng	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V*
31	Đô thị mới Xuân Thọ	xã	xã	xã	Sau 2030 là đô thị loại V
	Tổng	11	11	19	26

Ghi chú:

- Phạm vi, ranh giới của các đô thị được xác định cụ thể trong nhiệm vụ lập quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung đô thị mới, quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chuẩn phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

- MR: Đô thị mới Tân Bình nghiên cứu mở rộng trên cơ sở xã Tân Bình và xã Bình Hòa; Đô thị mới Xuân Định nghiên cứu mở rộng trên cơ sở xã Xuân Định và xã Bảo Hòa; Đô thị mới Suối Cát nghiên cứu mở rộng trên cơ sở 03 xã Suối Cát, Xuân Hiệp và Lang Minh; Đô thị mới Phú Lâm nghiên cứu mở rộng trên cơ sở 03 xã Phú Lâm, Phú Bình và Thanh Sơn.

- * Đô thị mới Xuân Hưng trên cơ sở phạm vi xã Xuân Hòa.

Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 586/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu công nghiệp	Quy mô Quy hoạch ban đầu (ha)*	Quy mô hiện hữu (ha)**	Quy mô Quy hoạch 2021- 2030 (ha)	Hiện trạng quy hoạch	Địa điểm	Ghi chú
I	Khu công nghiệp (KCN) đã được thành lập, đã được quy hoạch giai đoạn đến năm 2020, tiếp tục quy hoạch cập nhật theo hiện trạng giai đoạn 2021 - 2030						
1	KCN Loteco	100	100	100	Cập nhật hiện trạng	Thành phố Biên Hòa	
2	KCN Agtex Long Bình	43	43,26	33,85	Cập nhật hiện trạng	Thành phố Biên Hòa	Điều chỉnh giảm 9,4076ha
3	KCN Tam Phước	323	333,95	333,95	Cập nhật hiện trạng	Thành phố Biên Hòa	
4	KCN Biên Hòa 2	365	394,62	394,62	Cập nhật hiện trạng	Thành phố Biên Hòa	
5	KCN Hồ Nai - Giai đoạn 1	497	225,7	496,65	Cập nhật hiện trạng	Huyện Trảng Bom	
	KCN Hồ Nai - Giai đoạn 2		270,9		Cập nhật hiện trạng	Huyện Trảng Bom và thành phố Biên Hòa	
6	KCN Sông Mây - Giai đoạn 1	474	250,2	473,95	Cập nhật hiện trạng	Huyện Trảng Bom	
	KCN Sông Mây - Giai đoạn 2		223,7		Cập nhật hiện trạng	Huyện Trảng Bom và huyện Vĩnh Cửu	
7	KCN Giang Điền	529	529,2	529,2	Cập nhật hiện trạng	Huyện Trảng Bom và thành phố Biên Hòa	
8	KCN Bàu Xéo	500	499,49	499,49	Cập nhật hiện trạng	Huyện Trảng Bom	

STT	Tên khu công nghiệp	Quy mô Quy hoạch ban đầu (ha)*	Quy mô hiện hữu (ha)**	Quy mô Quy hoạch 2021-2030 (ha)	Hiện trạng quy hoạch	Địa điểm	Ghi chú
9	KCN Gò Dầu	184	182,37	182,37	Cập nhật hiện trạng	Huyện Long Thành	
10	KCN Long Thành	488	486,91	486,91	Cập nhật hiện trạng	Huyện Long Thành	
11	KCN Lộc An - Bình Sơn	498	497,77	497,77	Cập nhật hiện trạng	Huyện Long Thành	
12	KCN An Phước	201	200,85	200,85	Cập nhật hiện trạng	Huyện Long Thành	
13	KCN Công nghệ cao Long Thành	500	410,3	410,3	Cập nhật hiện trạng	Huyện Long Thành	Theo Văn bản số 257/TTg-CN ngày 22/02/2018 của Thủ tướng CP (Giảm còn 410.31ha)
14	KCN Nhơn Trạch I	447	426,49	426,49	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	Văn bản số 2250/TTg-KTN ngày 14/12/2016 của Thủ tướng CP (Giảm còn 426,49ha)
15	KCN Nhơn Trạch II	331	331,41	331,41	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	
16	KCN Nhơn Trạch III - Giai đoạn 1 (Formosa)	697	350	350	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	
	KCN Nhơn Trạch III - Giai đoạn 2		360,49	360,49	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	
17	KCN Nhơn Trạch V	309	298,4	298,4	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	
18	KCN Dệt May Nhơn Trạch	184	175,6	175,6	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	

STT	Tên khu công nghiệp	Quy mô Quy hoạch ban đầu (ha)*	Quy mô hiện hữu (ha)**	Quy mô Quy hoạch 2021-2030 (ha)	Hiện trạng quy hoạch	Địa điểm	Ghi chú
19	KCN Nhơn Trạch II Nhơn Phú	183	183,18	183,18	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	
20	KCN Nhơn Trạch II Lộc Khang	70	69,53	69,53	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	
21	KCN Nhơn Trạch VI	315	314,23	314,23	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	
22	KCN Ông Kèo	823	823,45	823,45	Cập nhật hiện trạng	Huyện Nhơn Trạch	
23	KCN Long Khánh	264	264,47	264,47	Cập nhật hiện trạng	Thành phố Long Khánh	
24	KCN Suối Tre	150	144,78	144,78	Cập nhật hiện trạng	Thành phố Long Khánh	
25	KCN Thạnh Phú	177	177,2	177,2	Cập nhật hiện trạng	Huyện Vĩnh Cửu	
26	KCN Dầu Giây	331	330,48	330,48	Cập nhật hiện trạng	Huyện Thống Nhất	
27	KCN Long Đức 3	253	244,5	244,5	Cập nhật hiện trạng	Xã Lộc An, xã Long Đức, huyện Long Thành	(Điều chỉnh bổ sung thêm xã Lộc An)
II	KCN đã được quy hoạch đến năm 2020, đưa ra khỏi quy hoạch giai đoạn 2021-2030						
1	KCN Biên Hòa 1	335	335	0	Loại bỏ	Thành phố Biên Hòa	Văn bản số 111/TTg-CN ngày 28/01/2021
2	KCN Gia Kiệm	330	0	0	Chưa thành lập	Huyện Thống Nhất	
III	KCN đã được quy hoạch đến năm 2020, tiếp tục quy hoạch cập nhật theo hiện trạng và quy hoạch mở rộng giai đoạn 2021-2030						
1	KCN Amata - giai đoạn 1, 2, 3	540,21	513,01	513,01	Cập nhật hiện trạng	Thành phố Biên Hòa	
	KCN Amata Mở rộng		27,2	26,72	Chưa thành lập	Thành phố Biên Hòa	Theo Văn bản số 257/TTg-CN

STT	Tên khu công nghiệp	Quy mô Quy hoạch ban đầu (ha)*	Quy mô hiện hữu (ha)**	Quy mô Quy hoạch 2021-2030 (ha)	Hiện trạng quy hoạch	Địa điểm	Ghi chú
							ngày 22/02/2018 của Thủ tướng CP (GĐ MR giảm còn 27.2ha)
2	KCN Long Đức (Giai đoạn 1)	580	281,32	281,32	Cập nhật hiện trạng	Huyện Long Thành	
	KCN Long Đức (Giai đoạn 2)		299	299	Chưa thành lập	Huyện Long Thành	
3	KCN Tân Phú	130	54,16	54,16	Cập nhật hiện trạng	Huyện Tân Phú	
	KCN Tân Phú (mở rộng)		76	76	Chưa thành lập	Huyện Tân Phú	
4	KCN Định Quán	161	56,8	56,8	Cập nhật hiện trạng	Huyện Định Quán	
	KCN Định Quán (mở rộng)		107	107	Chưa thành lập	Huyện Định Quán	
IV	KCN đã được quy hoạch đến năm 2020, tiếp tục quy hoạch cập nhật theo hiện trạng và loại bỏ quy hoạch diện tích mở rộng trong giai đoạn 2021 - 2030						
	KCN Xuân Lộc	309	108,8	108,8	Cập nhật hiện trạng	Huyện Xuân Lộc	
	KCN Xuân Lộc mở rộng		200	0	Chưa thành lập	Huyện Xuân Lộc	Đưa ra khỏi quy hoạch phân diện tích mở rộng
V	KCN chưa được thành lập đã được đưa vào quy hoạch phát triển KCN đến năm 2020, tiếp tục quy hoạch giai đoạn 2021-2030						
1	KCN Phước Bình	190	189,99	189,99	Chưa thành lập	Huyện Long Thành	2021-2030
2	KCN Bàu Cạn - Tân Hiệp	2.623,65	0	2.000	Chưa thành lập	Xã Long Phước, xã Bàu Cạn, xã Tân Hiệp,	Bổ sung thêm xã Long Phước.

STT	Tên khu công nghiệp	Quy mô Quy hoạch ban đầu (ha)*	Quy mô hiện hữu (ha)**	Quy mô Quy hoạch 2021-2030 (ha)	Hiện trạng quy hoạch	Địa điểm	Ghi chú
						huyện Long Thành	Trong đó 2.000ha đầu tư giai đoạn 2021-2030, còn lại đầu tư sau 2030.
3	KCN Phước Bình 2	299	0	299	Chưa thành lập	Huyện Long Thành	2021-2030
4	KCN Phước An	330	0	330	Chưa thành lập	Huyện Nhơn Trạch	2021-2030
5	KCN Cẩm Mỹ	300	306,79	306,79	Chưa thành lập	Huyện Cẩm Mỹ	2021-2030
6	KCN Xuân Quế - Sông Nhạn	3.595	0	1.819,89	Chưa thành lập	Huyện Cẩm Mỹ	Trong đó 1.819,89ha đầu tư trước 2030, còn lại đầu tư sau năm 2030.
VI	KCN được đề xuất mở mới trong giai đoạn 2021-2030						
1	KCN Xuân Thiện	481	0	481	Chưa thành lập	Huyện Thống Nhất	2021-2030
2	KCN Hàng Gòn	300	0	300	Chưa thành lập	Thành phố Long Khánh	2021-2030
3	KCN Mo Nang	171	0	171	Chưa thành lập	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2030
4	KCN Gia Canh	192,6	0	192,6	Chưa thành lập	Huyện Định Quán	2021-2030
5	KCN Xuân Hòa	485	0	485	Chưa thành lập	Huyện Xuân Lộc	2021-2030
6	KCN Bàu Xéo 2	380	0	380	Chưa thành lập	Huyện Trảng Bom	2021-2030
7	KCN Dầu Giây (giai đoạn 2)	145	0	145	Chưa thành lập	Huyện Thống Nhất	2021-2030

STT	Tên khu công nghiệp	Quy mô Quy hoạch ban đầu (ha)*	Quy mô hiện hữu (ha)**	Quy mô Quy hoạch 2021-2030 (ha)	Hiện trạng quy hoạch	Địa điểm	Ghi chú
8	KCN Tân Phú (giai đoạn 2)	169,8	0	169,8	Chưa thành lập	Huyện Tân Phú	2021-2030
9	KCN Phước An (giai đoạn 2)	225	0	225	Chưa thành lập	Huyện Nhơn Trạch	2021-2030
10	KCN Phước Bình 2 (giai đoạn 2)	291	0	291	Chưa thành lập	Huyện Long Thành	2021-2030
VII	KCN tiềm năng						
	KCN Túc Trưng	180	0	0		Huyện Định Quán	Sau năm 2030

Ghi chú:

- Quy mô quy hoạch ban đầu (*) là quy mô quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Quy mô quy hoạch hiện hữu (**) là quy mô hiện hữu theo Quy hoạch Xây dựng của UBND Tỉnh, được Bộ Xây dựng phê duyệt.

- Quy hoạch Khu công nghiệp Mo Nang tại huyện Vĩnh Cửu đề di dời các cơ sở, nhà máy sản xuất gỗ nhỏ lẻ và các nhà máy sản xuất gỗ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom, huyện Vĩnh Cửu. Đồng thời, phải đánh giá tác động môi trường trước khi lập hồ sơ dự án đầu tư.

- Tên cụ thể, phạm vi ranh giới và diện tích đất sử dụng của từng khu công nghiệp: sẽ được xác định chuẩn xác khi thực hiện đo đạc, lập sơ đồ địa chính, lập quy hoạch phân khu và lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định.

- Diện tích đất dự kiến quy hoạch khu công nghiệp là diện tích có tính đến định hướng dài hạn. Việc triển khai các dự án khu công nghiệp trong thời kỳ 2021 - 2030 phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với chỉ tiêu đất khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phân bổ cho tỉnh Đồng Nai. Đồng thời, phải được đầu tư kết nối hạ tầng giao thông đến vị trí dự án trước khi thành lập.

- Đối với các khu công nghiệp nằm ở phía thượng nguồn sông Đồng Nai (địa bàn huyện Vĩnh Cửu), sông Buông (huyện Trảng Bom)... chỉ chấp thuận đầu tư các dự án có quy trình sản xuất không sử dụng nước hoặc phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tái sử dụng, thực hiện tuần hoàn nước, không có nước thải công nghiệp xả thải ra môi trường.

Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 586/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa bàn	Diện tích quy hoạch 2013-2020 (ha)	Diện tích dự kiến quy hoạch 2021-2030 (ha)	Ghi chú
I	20 CCN đã được quy hoạch giai đoạn 2013 - 2020 (1.164,89ha), tiếp tục quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030 (1.201,88ha)				
1	CCN Thanh Phú - Thiện Tân	Xã Thanh Phú và xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu	96,65	96,65	
2	CCN VLXD Tân An	Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu	50	50	
3	CCN Thiện Tân (GĐ1: 48,82ha)	Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu	75	75	
4	CCN Tân An	Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu	48,82	75,00	
5	CCN Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu	49,81	49,81	
6	CCN Tam An	Xã Tam An, Huyện Long Thành	50,95	50,95	
7	CCN Long Phước 1	Xã Long Phước, Huyện Long Thành	74,99	74,99	
8	CCN Phước Bình	Xã Phước Bình, Huyện Long Thành	75	75	
9	CCN Hố Nai 3	Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom	53,08	53,08	
10	CCN Hưng Thịnh	Xã Hưng Thịnh, Huyện Trảng Bom	35	35	
11	CCN Hưng Lộc	Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất	41,86	22,94	
12	CCN Quang Trung	Xã Quang Trung, Huyện Thống Nhất	79,87	79,87	
13	CCN Phú Cường	Xã Phú Cường, Huyện Định Quán	44,46	44,46	

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa bàn	Diện tích quy hoạch 2013-2020 (ha)	Diện tích dự kiến quy hoạch 2021-2030 (ha)	Ghi chú
14	CCN Gốm Tân Hạnh	Phường Tân Hạnh, Thành phố Biên Hòa	54,83	54,83	
15	CCN Phú Thạnh - Vĩnh Thanh	Xã Vĩnh Thanh và xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch	87,31	87,31	
16	CCN Xuân Hưng	Xã Xuân Hưng, Huyện Xuân Lộc	16,12	63,15	
17	CCN Dốc 47	Phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa	88,48	72,6	
18	CCN Long Giao	Thị trấn Long Giao, Huyện Cẩm Mỹ	57,35	55,93	
19	CCN Phú Túc	Xã Phú Túc, Huyện Định Quán	50,00	50,00	
20	CCN Phú Vinh	Xã Phú Vinh, Huyện Định Quán	35,31	35,31	
II	07 CCN đã được quy hoạch giai đoạn 2013 - 2020, loại bỏ quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030 (346,7ha)				
1	CCN Bàu Trâm		29,07	0	
2	CCN An Viễn		50	0	
3	CCN Phú Thạnh		30	0	
4	CCN Thanh Bình		48,75	0	
5	CCN Phước Tân		72,08	0	
6	CCN Trị An		48,8	0	
7	CCN CNHT ô tô Đô Thành		68,00	0	
III	11 CCN đề xuất bổ sung vào quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030 (672,08ha)				
1	CCN Sông Trầu	Xã Sông Trầu, Huyện Trảng Bom	0	30	
2	CCN xã Đồi 61	Xã Đồi 61, Huyện Trảng Bom	0	54	
3	CCN Tân An 2	Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu	0	49,89	
4	CCN Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu	0	50	

STT	Tên cụm công nghiệp (CCN)	Địa bàn	Diện tích quy hoạch 2013-2020 (ha)	Diện tích dự kiến quy hoạch 2021-2030 (ha)	Ghi chú
5	CCN Xuân Tây	Xã Xuân Tây, Huyện Cẩm Mỹ	0	74,8	
6	CCN Phú Bình	Xã Phú Bình và xã Phú Trung Huyện Tân Phú	0	75	
7	CCN Hàng Gòn	Xã Hàng Gòn, Thành phố Long Khánh	0	70	
8	CCN Bình An	Xã Bình An, Huyện Long Thành	0	75	
9	CCN Quang Trung 1	Xã Quang Trung và xã Bàu Hàm 2, Huyện Thống Nhất	0	74,4	
10	CCN Quang Trung 2	Xã Quang Trung, Huyện Thống Nhất	0	43,99	
11	CCN Lộ 25	Xã Lộ 25, Huyện Thống Nhất	0	75	

Ghi chú: tên cụ thể, phạm vi ranh giới và diện tích đất sử dụng của từng cụm công nghiệp sẽ được xác định chuẩn xác khi thực hiện đo đạc, lập sơ đồ địa chính, lập quy hoạch phân khu và lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định.

Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO,
KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG,
KHU ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH ĐỒNG NAI
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 586/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu chức năng	Quy mô (ha)	Địa điểm	Giai đoạn đầu tư
1	Khu công nghệ cao	497	Huyện Cẩm Mỹ	2021-2030
2	Khu công nghệ thông tin tập trung	100	Huyện Long Thành	2021-2030
3	Khu đổi mới sáng tạo	300	Huyện Long Thành	2021-2030

Ghi chú:

- Tên cụ thể, phạm vi ranh giới và diện tích đất sử dụng của từng khu chức năng: sẽ được xác định chuẩn xác khi thực hiện đo đạc, lập sơ đồ địa chính, lập quy hoạch phân khu và lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định.

- Diện tích đất quy hoạch khu chức năng là diện tích dự kiến phát triển trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Việc triển khai dự án khu chức năng trong thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ cho tỉnh Đồng Nai được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt.

Phụ lục V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU, ĐIỂM DU LỊCH
TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 586/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Các khu du lịch	Vị trí
I	Khu du lịch quốc gia	
	Khu du lịch quốc gia Hồ Trị An	Huyện Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Trảng Bom, Định Quán
II	Khu du lịch cấp tỉnh	
1	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng giải trí tại khu vực rừng phòng hộ Tân Phú	Huyện Định Quán
2	Các đô thị sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng tại khu vực núi Chứa Chan và hồ Núi Le	Huyện Xuân Lộc
3	Khu nuôi động vật bán hoang dã phục vụ phát triển du lịch (Safari)	Huyện Vĩnh Cửu
4	Khu phức hợp và nghỉ dưỡng cao cấp (tại khu vực hồ Bà Hào)	Khu bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai
5	Khu du lịch Sơn Tiên	Thành phố Biên Hòa
6	Khu du lịch nghỉ dưỡng kết hợp ở Hồ Cầu Mới Tuyến 5, 6 xã Thừa Đức	Huyện Cẩm Mỹ
7	Các khu, điểm chức năng du lịch xác định theo quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hệ thống khách sạn chuẩn 5* trở lên	Các huyện, thành phố

Ghi chú: tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích và danh mục dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện. Ngoài ra còn có các khu vực khác khi đủ điều kiện được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập khu du lịch.

Phụ lục VI**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG
TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 586/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

I	Vùng trồng trọt (300 vùng sản xuất)
1	Vùng trồng lúa (25 vùng)
	- Vĩnh Cửu (Bình Hòa, Bình Lợi, Tân An, Tân Bình, Thạnh Phú, Thiện Tân, Vĩnh An)
	- Long Thành (Long Phước, Long An, Bình An)
	- Nhơn Trạch (Phú Hữu, Phú Đông, Vĩnh Thanh)
	- Trảng Bom (Sông Thao)
	- Long Khánh (Bảo Quang, Bảo Vinh)
	- Xuân Lộc (Lang Minh, Xuân Thọ, Xuân Phú, Xuân Bắc, Xuân Tâm)
	- Cẩm Mỹ (Sông Ray)
	- Tân Phú (Phú Bình - Phú Thanh - Phú Điền - Phú Lâm, Đắc Lua, Tà Lài - Phú Thịnh, Núi Tượng)
	- Định Quán (Thanh Sơn, Phú Vinh, Phú Hòa, Gia Canh, Phú Túc)
2	Vùng trồng rau (51 vùng)
	- Long Thành (Long An, Long Phước, Tân Hiệp, Bàu Cạn, Cẩm Đường, Bình An, Bình Sơn, Phước Bình, Long Phước)
	- Tân Phú (Phú Lâm, Phú Thanh, Thanh Sơn, Nam Cát Tiên, Phú Xuân, Phú Lập, Núi Tượng, Đắc Lua)
	- Định Quán (Suối Nho, Gia Canh, Phú Lợi, Thanh Sơn, Phú Vinh, Phú Túc, Ngọc Định)
	- Thống Nhất (Gia Kiệm, Gia Tân 3, Lộ 25)
	- Vĩnh Cửu (Vĩnh An, Vĩnh Tân, Tân An, Thiện Tân)
	- Long Khánh (Bảo Quang, Bảo Vinh)
	- Cẩm Mỹ (Xuân Đông, Xuân Tây, Long Giao, Xuân Mỹ)
	- Xuân Lộc (Xuân Phú, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Xuân Bắc, Lang Minh, Xuân Thành)
3	Vùng trồng cây công nghiệp (70 vùng)
	- Long Thành (Bàu Cạn, Tân Hiệp, Phước Bình, Cẩm Đường, Bình An, Bình Sơn, Tân Hiệp)
	- Tân Phú (Phú An, Đắc Lua, Tà Lài, Phú Sơn, Phú Thịnh, Thanh Sơn, Phú Xuân, Phú Thịnh, Phú Lập, Nam Cát Tiên)
	- Cẩm Mỹ (Sông Ray, Lâm San)

	- Vĩnh Cửu (Phú Lý, Vĩnh An, Trị An)
	- Định Quán (Phú Lợi, Phú Hòa, Phú Vinh, Gia Canh, La Ngà, Ngọc Định, Thanh Sơn)
	- Thống Nhất (Bàu Hàm 2, Gia Tân 1)
	- Trảng Bom (An Viễn, Đông Hòa)
	- Xuân Lộc (Xuân Trường, Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Suối Cao, Xuân Bắc, Xuân Thành, Xuân Thọ, Lang Minh, Xuân Hòa, Xuân Định)
4	Vùng trồng cây ăn quả (154 vùng)
	- Long Khánh (Bảo Quang, Bình Lộc, Xuân Lập, Hàng Gòn, Bàu Sen, Bảo Vinh, Bình Lộc, Bàu Trâm)
	- Cẩm Mỹ (Xuân Mỹ, Thừa Đức, Xuân Đông, Bảo Bình, Xuân Bảo, Long Giao, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo, Xuân Tây)
	- Long Thành (Bàu Cạn, Phước Bình, Bình An, Bình Sơn)
	- Tân Phú (Tà Lài, Núi Tượng, Phú Lập, Phú Xuân, Phú An, Phú Thịnh, Phú Lộc, Trà Cỏ, Phú Sơn, Nam Cát Tiên, Thanh Sơn, Phú Bình, Phú Trung, Phú Xuân)
	- Định Quán (Thanh Sơn, Phú Tân, Phú Vinh, Phú Túc, Túc Trung, Phú Vinh, Phú Lợi, La Ngà, Suối Nho, Phú Hòa, Gia Canh, Ngọc Định, Phú Ngọc)
	- Thống Nhất (Hưng Lộc, Xuân Thiện, Bàu Hàm 2, Quang Trung, Gia Kiệm, Xuân Thiện, Gia Tân 1)
	- Trảng Bom (Bàu Hàm, Thanh Bình, Cây Gáo)
	- Vĩnh Cửu (Tân Bình, Bình Lợi, Thiện Tân, Hiếu Liêm, Phú Lý, Vĩnh An, Mã Đà, Tân An, Hiếu Liêm, Trị An)
	- Xuân Lộc (Bảo Hòa, Lang Minh, Xuân Hiệp, Xuân Tâm, Xuân Bắc, Xuân Định, Suối Cao, Xuân Phú, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Trường, Xuân Thành)
II	Thủy sản (21 vùng sản xuất)
1	Vùng nuôi nước ngọt
	- Định Quán (Phú Ngọc, Ngọc Định, Phú Vinh, La Ngà, Thanh Sơn, Phú Tân)
	- Huyện Tân Phú (xã Trà Cỏ, Phú Điền)
	- Huyện Vĩnh Cửu (xã Thiện Tân, Tân An, Vĩnh An, Mã Đà, thị trấn Vĩnh An)
	- Huyện Cẩm Mỹ (xã Sông Ray)
2	Vùng nuôi nước lợ
	- Khu vực rừng ngập mặn thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành
	- Huyện Nhơn Trạch (xã Phước An, Vĩnh Thanh)
3	Vùng nuôi thủy sản lồng/bè
	- Khu vực lòng hồ Trị An (thuộc huyện Định Quán và Vĩnh Cửu)
	- Nhơn Trạch (Vĩnh Thanh, Phước An)
	- Sông Đồng Nai (thành phố Biên Hòa, Huyện Định Quán, Tân Phú)

III	Chăn nuôi
	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ: ổn định tổng đàn vật nuôi hiện có; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại quy mô lớn. - Huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom và thành phố Long Khánh: giảm dần quy mô đàn gia súc, gia cầm. - Huyện Tân Phú, Định Quán: phát triển chăn nuôi tại các địa phương do mật độ chăn nuôi còn thấp, các địa phương có lợi thế về điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, phát triển vùng nguyên liệu; thu hút các dự án đầu tư chăn nuôi có chọn lọc, ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo chuỗi liên kết, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. - Huyện Định Quán, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc: khuyến khích phát triển các loại vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển nuôi chim yến tại một số địa phương có điều kiện phù hợp để chim yến sinh sống và đảm bảo quy định của tỉnh về vùng cấm nuôi chim yến.

B. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

STT	Định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đến năm 2030
1	Vùng sản xuất tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu
2	Vùng sản xuất tại xã Quang Trung, xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất
3	Vùng sản xuất tại xã Xuân Mỹ, thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ
4	Vùng sản xuất tại xã Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa và thị trấn Long Giao, huyện Cẩm Mỹ
5	Vùng sản xuất tại xã Xuân Đường, Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ
6	Vùng sản xuất tại xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc
7	Vùng nuôi tôm tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch
8	Vùng sản xuất tại xã Gia Canh, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán
9	Vùng sản xuất tại xã Long Đức, xã Bình An, huyện Long Thành (có thể thay đổi trong quá trình lập quy hoạch đô thị sân bay Long Thành)
10	Khu lâm nghiệp công nghệ cao tại xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc

C. Vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ

STT	Định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ đến năm 2030
I	Huyện Tân Phú
1	Xã ĐakLua
2	Xã Nam Cát Tiên
3	Xã Núi Tượng
4	Xã Phú Lập
5	Xã Tà Lài

STT	Định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ đến năm 2030
II	Huyện Định Quán
6	Xã Thanh Sơn
III	Huyện Vĩnh Cửu
7	Xã Hiếu Liêm
8	Xã Phú Lý
IV	Huyện Xuân Lộc
9	Xã Suối Cao
V	Huyện Cẩm Mỹ
10	Xã Lâm San
VI	Huyện Nhơn Trạch
11	Xã Phước An

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư theo quy định.

- Quy mô diện tích của từng vùng sản xuất nông nghiệp xác định căn cứ theo phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các đơn vị hành chính cấp huyện và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ
TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 586/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch (số làn xe)
	Đường tỉnh			1.083,22	
1	ĐT.762	Km6+900, Quốc lộ 20	đường Nguyễn Tất Thành	20,5	4-6
2	ĐT.763	Quốc lộ 1	Quốc lộ 20	29,4	4-6
3	ĐT.764	Quốc lộ 56 tại Km16+100	ranh Bà Rịa - Vũng Tàu	18,7	4-6
4	ĐT.765	Quốc lộ 1 tại Km1800+900	ranh Bà Rịa - Vũng Tàu	28,3	4-6
5	ĐT.766	Quốc lộ 1 xã Xuân Lộc	cầu Gia Huynh	12,8	4-6
6	ĐT.767	Km1815+300 Quốc lộ 1	ĐT.761 (xã Mã Đà)	24,12	4-6
7	ĐT.768	Nút giao đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 1K)	ĐT.767 (bổ sung nhánh từ Hương lộ 7 đến đường ĐT.768C)	42	4-8
8	ĐT.769	Quốc lộ 1 tại Km1833+000 thị trấn Dầu Giây	Quốc lộ 51B	30,8	6-8
9	ĐT 769B	phà Cát Lái	giao Quốc lộ 51A	29,4	4-6
10	ĐT769C (25B)	Quốc lộ 51 tại Km23+900	giao đường Quách Thị Trang	14,9	8-12
11	ĐT770 (Suối Tre-Bình Lộc)	Km1823+800 Quốc lộ 1	giao Quốc lộ 20	11,3	4-6
12	ĐT.771 (Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch)	phường Hiệp Hòa, Biên Hòa	đường kết nối vào Cảng Phước An	32	6-8
13	ĐT772 (Trảng Bom - Xuân Lộc)	ĐT.766, huyện Xuân Lộc	ĐT.767 huyện Trảng Bom	53,26	4-8

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch (số làn xe)
14	ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc)	giao Quốc lộ 1 - huyện Xuân Lộc	ĐT.769 (xã Bình An)	55,93	6-8
15	ĐT.774B. (Tà Lài-Trà Cỏ)	ĐT.775	QL.20	54	2-4
16	ĐT.776 (ĐT.Xuân Bắc - Thanh Sơn)	giao ĐT.763 xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc	ĐT.761 xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu	48,3	2-4
17	ĐT.777 Chát Thải Rắn	Quốc lộ 1 (thị trấn Trảng Bom)	Quốc lộ 51	19,07	6-8
18	ĐT.780 (Sông Nhạn - Dầu Giây)	giao ĐT.773 (Hương lộ 10 hiện hữu)	ĐT.769	16,6	4-6
19	ĐT.765B (Xuân Định - Lâm San)	Quốc lộ 1 (xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc)	ĐT.765 (xã Lâm San, huyện Xuân Lộc)	27	2-4
20	ĐT.771B (Hương Lộ 2)	ĐT.771	đường liên cảng huyện Nhơn Trạch	40	6-8
21	ĐT.769D (25C)	sân bay Long Thành	ĐT.769G (đường liên cảng Nhơn Trạch)	26,1	8-14
22	ĐT.768B	cầu Thanh Hội 2	đường ĐT.768 (thị trấn Vĩnh An)	27,2	4-8
23	ĐT.778 (Bắc Sơn - Long Thành)	Quốc lộ 1 (Km1854+200)	ĐT.773B	30,99	4-8
24	ĐT.769E	sân bay Long Thành	ĐT.770B	8,13	8-14
25	ĐT.778B	đường ĐT.771B (HL.2)	ĐT.769 tại xã Bàu Hàm	36,6	4-6
26	ĐT.763B	ĐT.764, huyện Cẩm Mỹ	Quốc lộ 20, huyện Thống Nhất	40	2-6
27	ĐT.770B	ĐT.763	cảng Phước An (ĐT.771C)	60,24	4-8
28	ĐT.773B	từ Quốc lộ 51 huyện Long Thành	đường dọc Sông Ray huyện Cẩm Mỹ	45,72	4-6

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài dự kiến (*) (km)	Quy mô quy hoạch (số làn xe)
29	ĐT.777B	cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	cầu Đồng Nai 2	6,5	6-8
30	ĐT.780B	ĐT.774B (Tà Lài-Trà Cỏ), huyện Tân Phú	ĐT.780, huyện Cẩm Mỹ	88,2	4-6
31	ĐT.771F	Quốc lộ 1 đoạn tránh TP.Biên Hòa	ĐT.770B	45	4-6
32	ĐT.769G (đường Liên Cảng Nhơn Trạch)	Bến Lức - Long Thành	Xã Đại Phước	23,6	4-8
33	ĐT.771C (đường kết nối vào cảng Phước An)	ĐT.771	cảng Phước An	9,9	6-8
34	ĐT.768C (đường vành đai TP. Biên Hòa)	ĐT.767	cầu Bạch Đằng 2	17,62	6-8
35	ĐT.771D (đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải)	cầu Phước An	ĐT.771C	1,64	6-8
36	ĐT.760B (đường Nguyễn Du)	Nguyễn Ái Quốc	ĐT.768	2,4	6-8
37	ĐT.760C	đường Nguyễn Du	ranh Bình Dương	5	6

Ghi chú:

- Các tuyến cao tốc và quốc lộ thực hiện theo quy hoạch quốc gia.
- Cấp đường và chiều dài xây dựng thực tế xác định theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Đối với các đoạn đường qua đô thị, quy mô xây dựng thực hiện theo quy hoạch đô thị.
- Tên, số hiệu đường tỉnh, dự kiến phạm vi (điểm đầu, điểm cuối), vị trí, hướng tuyến và quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực sẽ nghiên cứu đầu tư các đoạn tuyến tránh đô thị.
- Quy mô các tuyến đường địa phương là quy mô tối thiểu. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án, tùy theo nhu cầu vận tải sẽ xác định quy mô thực tế của tuyến đường; đồng thời, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng huy động nguồn lực sẽ quyết định phân kỳ đầu tư để bảo đảm hiệu quả đầu tư dự án.

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT
TỈNH ĐỒNG NAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 586/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tuyến	Chiều dài khoảng (km)	Khổ đường (mm)
1	Đầu tư xây mới đường sắt nối tuyến Biên Hòa - Vũng Tàu vào Cảng Phước An	11	1.435
2	Kéo dài tuyến đường sắt đô thị Bến Thành - Suối Tiên đến tỉnh Đồng Nai	20	1.435
3	Đường sắt đô thị Trung tâm hành chính mới - Sân bay Biên Hòa (ĐSĐT 1)	13	1.435
4	Tuyến đường sắt đô thị Biên Hòa - Nhơn Trạch - Long Thành (ĐSĐT 2)	25	1.435
5	Tuyến đường sắt đô thị Biên Hòa - Trảng Bom - Long Khánh (ĐSĐT 3)	47	1.435
6	Tuyến đường sắt đô thị Long Khánh - Long Thành (ĐSĐT 4)	30	1.435
7	Đường sắt đô thị Sân bay Biên Hòa - sông Đồng Nai (kết nối đến tỉnh Bình Dương) (ĐSĐT 5)	2	1.435

Ghi chú: tên, vị trí, quy mô, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư theo quy định.

(Xem tiếp Công báo số 811 + 812)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng